TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/DSST
Ngày: 22-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Minh Nhiễm**;
Ông **Nguyễn Văn Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2022/TLST–DS, ngày 17-10-2022; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2023/QĐXXST-DS, ngày 26-5-2023; giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Sa V, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn:

1. Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

2. Ông Thạch Ma Na, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thạch Ma Na:

1. Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vợ ông Ma N, vắng mặt);

2. Chị Thạch Nhung B, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (con ông Ma N, vắng mặt);

3. Thạch Hà Nhật T, sinh năm 2010; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (con ông Ma N, vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Thạch Hà Nhật T: Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (là mẹ ruột, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị Sa V trình bày:

Ngày 09/01/2020, bà L và ông Ma N có tổ chức khui rất nhiều dây hụi, bà chỉ tham gia các dây hụi số 10, 12, 14, 16, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 5.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho bà (danh sách tên V), mỗi dây có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt; nữa tháng khui 01 lần, sau khi hốt hụi, chủ hụi có trách nhiệm gom tiền của hụi viên rồi giao cho người trúng thăm hốt hụi. 04 dây hụi đã tổ chức khui đến lần thứ 08, ở lần khui thứ 09 chủ hụi úp hụi đồng loạt, cụ thể:

Dây 10: Bà tham gia 01 phần và đóng được 08 hụi sống bằng 13.810.000 đồng;

Dây 12: Bà tham gia 01 phần và đóng được 08 lần hụi sống bằng 13.720.000 đồng;

Dây 14: Bà tham gia 01 phần và đóng được 08 lần hụi sống bằng 13.710.000 đồng;

Dây 16: Bà tham gia 01 phần và đóng được 08 lần hụi sống bằng 13.740.000 đồng;

Tổng cộng 04 dây hụi trên bà đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N bằng 54.980.000 đồng.

Hụi viên Thanh Khanh tên là Thạch Khanh ở ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử hiện nay ông Khanh không có mặt ở địa phương, bà với ông Khanh là chị em (người dâu, người rễ), bà và ông Khanh có tham gia góp hụi của bà L và ông Ma N, mọi người tự tham gia riêng, tất cả 04 dây hụi trên bà giao dịch với chủ hụi không có thông qua ông Thạch Khanh, nên ở lần khui hụi thứ 01 của 04 dây hụi trên bà đóng hụi sống bằng 14.000.000 đồng cho chủ hụi, chứ không có đóng hụi cho ông Thạch Khanh (hụi viên Thanh Khanh) như chủ hụi trình bày, bà không đồng ý trừ lại tiền hụi bà khởi kiện.

Sau khi úp hụi bà L và ông Ma N có trả cho bà 03 lần tổng cộng bằng 11.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, bà không có nhận của bà L trả số tiền 13.000.000 đồng như bà L trình bày, số tiền bà nhận bà đồng ý cấn trừ lại tiền hụi bà khởi kiện (54.980.000 đồng -11.000.000 đồng).

Nay bà yêu cầu bà Hà Mộng L và hàng thừa kế của ông Thạch Ma Na (đã chết) trả cho bà 08 lần hụi sống đã đóng bằng 43.980.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2020, dây hụi số 10, 12, 14, 16), không yêu cầu tính lãi.

Bà Trần Thị Sa V có đơn xin vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2023 bà Hà Mộng L trình bày: Ngày 09/01/2020, bà có tổ chức khui rất nhiều dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi

dây có 15 phần, nữa tháng khui 01 lần, bà Trần Thị Sa V tham gia ở các dây hụi gồm:

Dây 10: Bà Sa V tham gia 01 phần (danh sách tên V) và đóng được 08 lần hụi sống bằng 13.810.000 đồng.

Dây 12: Bà Sa V tham gia 01 phần (danh sách tên V) và đóng được 08 lần hụi sống bằng 13.720.000 đồng.

Dây 14: Bà Sa V tham gia 01 phần (danh sách tên V) và đóng được 08 lần hụi sống bằng 13.710.000 đồng.

Dây 16: Bà Sa V tham gia 01 phần (danh sách tên V) và đóng được 08 lần hụi sống bằng 13.740.000 đồng.

04 dây hụi trên, ở lần khui hụi thứ 01 hụi viên bỏ thăm 1.500.000 đồng, Bà Sa V đóng hụi sống mỗi dây bằng 3.500.000 đồng, tổng cộng bằng 14.000.000 đồng, số tiền này Bà Sa V không có đóng cho bà mà đóng cho hụi viên Thanh Khanh (ông Thạch Khanh với Bà Sa V là anh, em), bà không đồng ý trả lại tiền hụi sống ở lần khui hụi thứ 01 bằng 14.000.000 đồng cho Bà Sa V.

Ở 04 dây hụi trên bà chỉ nhận tiền hụi sống của Bà Sa V đóng từ lần khui hụi thứ 02 đến lần thứ 08 bằng 40.980.000 đồng. Trong thời gian úp hụi bà có trả cho Bà Sa V bằng 13.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, bà yêu cầu được trừ lại, sau khi cấn trừ bà chỉ còn nợ Bà Sa V bằng 27.980.000 đồng và đồng ý trả, yêu cầu không tính lãi, tiền hụi bà nợ không liên quan đến chồng và con bà, lúc bà làm chủ hụi chồng bà bệnh, con bà còn nhỏ nên không ai biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 04 danh sách hụi viên (photo); chứng minh nhân dân tên Sa Vene và sổ hộ khẩu (photo); Bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Hà Mộng L thừa nhận Bà Sa V có tham gia 04 dây hụi số 10, 12, 14, 16, loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2020; 04 dây hụi đã khui đến lần thứ 08.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Trần Thị Sa V thừa nhận có nhận của bà Hà Mộng L trả trước bằng 11.000.000 đồng; Bà L cho rằng bà có trả trước cho Bà Sa V bằng 13.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Sa V yêu cầu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) cùng có trách nhiệm trả cho bà 08 lần hụi sống đã đóng bằng 43.980.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2020, dây hụi số 10, 12, 14, 16), không yêu cầu tính lãi.

Bà Hà Mộng L thừa nhận còn nợ và đồng ý trả một mình cho Bà Sa V bằng 27.980.000 đồng, vì lúc bà làm chủ hụi chồng bà bệnh, các con bà còn nhỏ nên không biết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Sa V.

2. Buộc bà Hà Mộng L trả cho bà Trần Thị Sa V 08 lần hụi sống đã đóng bằng 21.990.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2020, dây hụi số 10, 12, 14, 16). Bà Trần Thị Sa V không yêu cầu tính lãi.

3. Buộc bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) trả cho bà Trần Thị Sa V 08 lần hụi sống đã đóng bằng 21.990.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2020, dây hụi số 10, 12, 14, 16) trong phạm vi tài sản của ông Thạch Ma Na chết để lại. Bà Trần Thị Sa V không yêu cầu tính lãi.

4. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thạch Ma Na (đã chết), Tòa án đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thạch Ma Na gồm: Bà Hà Mộng L (đồng thời là bị đơn), chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cha mẹ ông Thạch Ma Na đã chết.

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại; Bị đơn ông Thạch Ma Na (đã chết), bà Hà Mộng L cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Bà Trần Thị Sa V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà L làm đại diện*) trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Trong quá trình giải quyết bà Trần Thị Sa V yêu cầu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) trả cho bà 08 lần hụi sống đã đóng bằng 54.980.000 đồng, Bà Sa V thừa nhận sau khi úp hụi bà L có trả cho bà bằng 11.000.000 đồng, bà đồng ý cấn trừ vào tiền hụi bà khởi kiện, sau khi cấn trừ số tiền còn lại bà yêu cầu bằng 43.980.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2020, dây hụi số 10, 12, 14, 16). Bà Sa V không yêu cầu tính lãi.

[3] Bà Hà Mộng L có lời khai thừa nhận Bà Sa V có tham gia 04 dây hụi số 10, 12, 14, 16, tất cả 04 dây hụi đã khui đến lần thứ 08, bà chỉ nhận tiền hụi sống của Bà Sa V đóng từ lần khui thứ 02 đến thứ 08 với tổng số tiền bằng 40.980.000 đồng, còn ở lần khui hụi thứ 01, hụi viên bỏ thăm 1.500.000 đồng, Bà Sa V đóng hụi sống mỗi dây bằng 3.500.000 đồng, tổng cộng 04 dây bằng 14.000.000 đồng, tiền hụi này Bà Sa V không có đóng cho bà mà đóng cho hụi viên Thanh Khanh (ông Thạch Khanh), bà không đồng ý trả lại tiền hụi sống ở lần khui hụi thứ 01 bằng 14.000.000 đồng cho Bà Sa V. Sau khi úp hụi bà có trả trước cho Bà Sa V bằng 13.000.000 đồng, bà yêu cầu được trừ lại tiền hụi Bà Sa V kiện bà, sau khi cấn trừ bà còn nợ lại Bà Sa V bằng 27.980.000 đồng, bà đồng ý trả một mình, yêu cầu không tính lãi, tiền hụi bà nợ không liên quan đến chồng và con bà, lúc bà làm chủ hụi chồng bà bệnh, con bà còn nhỏ nên không ai biết.

[4] Quá trình giải quyết ông Thạch Khanh không có mặt ở địa phương nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của ông Khanh để xác định tiền hụi sống ở lần khui thứ 01 của 04 dây hụi trên ông Khanh có nhận trực tiếp của Bà Sa V như ý kiến trình bày của bà L hay không.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 "*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp"* và thro quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Quá trình giải quyết bà L có ý kiến phản đối yêu cầu nguyên đơn đối với bà, với lý do ở lần khui hụi thứ 01 của 04 dây hụi trên bà không có nhận tiền hụi sống của Bà Sa V đóng (tiền hụi này Bà Sa V đóng cho hụi viên Thanh Khanh) và số tiền 13.000.000 đồng bà trả trước cho Bà Sa V, nhưng bà L không chủ động thu thập, cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ này cho Tòa án và Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 16/QĐ-CCTLCC, ngày 13/3/2023 đã nêu rõ đương sự phải có nghĩa vụ chứng minh và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại Điều 6, Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà L không thực hiện, cho nên bà L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

[6] Bà Trần Thị Sa V trình bày, bà với ông Thạch Khanh (hụi viên Thanh Khanh) là chị, em, bà và ông Khanh có tham gia góp hụi của bà L và ông Ma N, hai người tham gia riêng và bà cũng không có nhờ ông Khanh tham gia góp hụi giùm. Tất cả 04 dây hụi trên ở lần khui hụi thứ 01 bà đóng hụi sống cho bà L (chủ hụi) không có đóng hụi cho ông Khanh cho nên ý kiến trình bày của bà L bà không đồng ý. Sau khi úp hụi bà L có trả trước cho bà bằng 11.000.000 đồng, chứ không phải 13.000.000 đồng như bà L trình bày, số tiền 11.000.000 đồng bà đã nhận bà đồng ý cấn trừ lại.

[7] Xét thấy, mặc dù ông Ma N không trực tiếp giao dịch tiền hụi với Bà Sa V, nhưng giao dịch góp hụi của bà L (chủ hụi) với hụi viên diễn ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông Ma N, ông Ma N biết việc bà L làm chủ hụi nhưng không có phản đối, cho nên Hội đồng xét xử xác định số nợ trên là nợ chung của bà L và ông Ma N. Do đó bà L có trách nhiệm trả cho Bà Sa V ½ số

nợ, ½ số nợ còn lại là của ông Ma N, do ông Ma N đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa tố tụng của ông Ma N là bà L, chị Bình và Nhật Tân (*do bà L làm đại diện*) có trách nhiệm trả cho Bà Sa V trong phạm vi tài sản của ông Ma N chết để lại.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do Bà Sa V không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Hà Mộng L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) phải chịu án phí dân sự tương ứng với phần yêu cầu của Bà Sa V đối với ông Ma N (đã chết) được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Khoản 4, điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, trong phạm vi tài sản của ông Thạch Ma Na chết để lại.

Nguyên đơn bà Trần Thị Sa V không phải chịu án phí.

[9] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 74, 91, 92, 147, 227, 228, 273, 280, 615 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Sa V.

2. Buộc bà Hà Mộng L trả cho bà Trần Thị Sa V 08 lần hụi sống đã đóng bằng 21.990.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2020, dây hụi số 10, 12, 14, 16). Bà Trần Thị Sa V không yêu cầu tính lãi.

3. Buộc bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) trả cho bà Trần Thị Sa V 08 lần hụi sống đã đóng bằng 21.990.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2020, dây hụi số 10, 12, 14, 16) trong phạm vi tài sản do ông Thạch Ma Na chết để lại. Bà Trần Thị Sa V không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

4.1. Buộc bị đơn bà Hà Mộng L phải chịu 1.099.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Buộc bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung Bình và Thạch Hà Nhật T (*do bà L làm đại diện*) phải chịu 1.099.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trong phạm vi tài sản của ông Thạch Ma Na chết để lại.

4.3. Bà Trần Thị Sa V không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 1.374.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0011487 ngày 12-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Trần Thị Sa V.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tư ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm